TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 187/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng;
2. Bà Nguyễn Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 57/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: tổ B, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai (Có mặt);

2. *Bị đơn*: Ông Hà Hoàng L, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, các biên bản làm việc tại Tòa án, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm và được gia đình hai bên đồng ý, tôi với ông Hà Hoàng L, sinh năm 1989 quyết định tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Sau lễ cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh

phúc với gia đình chồng tại ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng hay kiếm chuyện chửi đánh, vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông L; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hà Hoàng P, sinh ngày 30/9/2018, hiện đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Hà Hoàng L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hà Hoàng L.

- Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hà Hoàng P, sinh ngày 30/9/2018, ông Hà Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Hà Hoàng L, ông L có nơi cư trú ấp M, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Hà Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Hà Hoàng L, bà T và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa, bà T xác định trong thời gian vợ chồng sống chung chồng hay kiếm chuyện chửi đánh, vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 cho đến nay. Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông L tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông L vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã diễn ra trong thời gian dài, trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông L xác định vợ chồng có 01 con chung Hà Hoàng P, sinh ngày 30/9/2018, hiện cháu đang sống cùng bà T. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu P cho thấy nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu P do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông L cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà T. Do đó, để bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Hoàng P là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Quá trình làm việc, bà T có yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Bà T tự nguyện nộp chi phí tố tụng 300.000 đồng và đồng ý chịu toàn bộ chi phí này. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hà Hoàng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hà Hoàng L.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hà Hoàng P, sinh ngày 30/9/2018, ông Hà Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị T và ông Hà Hoàng L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 300289 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 01 năm 2026. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư